

1

Ông D và bà L tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới vào năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống giữa ông bà xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên không còn chung sống với nhau từ tháng 12/2022 đến nay. Do cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên ông D yêu cầu được ly hôn với bà L.

Con chung tên Đỗ Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/11/2011 ông D tự nguyện giao bà L tiếp tục nuôi dạy nhưng ông D không cấp D nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tài sản chung ông D và bà L đã tự thỏa thuận xong, nợ chung không có nên ông D không yêu cầu giải quyết.

**Tại biên bản hòa giải ngày 13/4/2023 cũng như tại phiên tòa bà Đỗ Thị L trình bày:*

Bà L thống nhất với phần trình bày của ông D về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Do ông bà sống chung không còn hạnh phúc nên bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu ông D. Con chung bà L yêu cầu tiếp tục nuôi dạy nhưng không yêu cầu ông D cấp D nuôi con. Tài sản chung ông bà đã tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Ông D và bà L chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đề nghị không công nhận ông D và bà L là vợ chồng; con chung hiện bà L nuôi dạy nên cần tiếp tục giao bà L nuôi dạy, ông D không phải cấp D nuôi con; tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Án phí sơ thẩm đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Nguyễn Hoàng D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Đỗ Thị L. Do ông bà chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà L có địa chỉ tại ấp B, xã TL, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông D và bà L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã TP, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông D và bà L có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Nguyễn Hoàng D và bà Đỗ Thị L là vợ chồng.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống ông D và bà L có một người con chung tên Đỗ Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/11/2011 (giới tính nam). Xét thấy, ông D tự nguyện giao con chung cho bà L tiếp tục nuôi dạy là có cơ sở. Bởi vì, hiện cháu H do bà L trực tiếp nuôi dạy nên việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của con chung. Hơn nữa cháu H đã trên 07 tuổi và tại biên bản ghi lời khai ngày 17/4/2023 cháu H có yêu cầu và nguyện vọng được sống với bà L. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu H cho bà L nuôi dạy là phù hợp.

Bà L không yêu cầu ông D cấp D nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông D và bà L xác định tài sản chung đã tự thỏa thuận và nợ chung không có nên ông bà không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông D phải chịu án phí – Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 14, 53, 59, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hoàng D và bà Đỗ Thị L là vợ chồng.

Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng D có nghĩa vụ giao con chung tên Đỗ Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 16/11/2011 (giới tính nam) cho bà Đỗ Thị L tiếp tục nuôi dạy. Ông D không phải cấp D nuôi con. Ông D không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng ông có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Hoàng D và bà Đỗ Thị L tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung không có nên không xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hoàng D phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 21 tháng 3 năm 2023 ông D có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003475 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Việt – Dương Thanh Tuấn

Nguyễn Kiều Trang